

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơ n vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổn g % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	TL	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Thơ lục bát.	5	0	3	0	0	2	0		60
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm của bản thân.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			25		15		0	20	0		100
				5		15		10		10	
Tỉ lệ %			30%		30%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Thơ lục bát	Nhận biết: - Nhận biết đặc trưng của thể thơ lục bát. - Nhận biết nội dung sự vật được nói đến trong bài ca dao. - Nhận ra trạng ngữ và các biện pháp tu từ ẩn dụ và so sánh. Thông hiểu: - Nêu được ý nghĩa của bài thơ. Vận dụng - Hiểu được giá trị của biện pháp so sánh. - Tìm hiểu mở rộng bài ca dao cùng chủ đề.	5 TN	3TN	2TL	
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm của bản thân.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.				1TL*
Tổng				5 TN 1TL*	3TN 1TL*	2 TL 1TL*	1 TL*
Tỉ lệ %				30	30	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

Xem thêm tại Website VnTeach.Com <https://www.vnteach.com>

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 6

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc ngữ liệu sau, chọn đáp án chính xác nhất (từ câu 1 đến câu 8) :

Trong đầm gì đẹp bằng sen

Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng

Nhiều vàng bông trắng lá xanh

Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

(Ca dao)

Câu 1. Bài ca dao trên được viết theo thể thơ nào?

A. Song thất lục bát

B. Tự do.

C. Lục bát

D. Tám chữ

Câu 2. Dấu hiệu cơ bản nào giúp em nhận ra đặc trưng của thể loại thơ của bài ca dao?

A. Số chữ, số dòng

B. Thanh điệu

C. Cách hiệp vần

D. Số chữ, số dòng, thanh điệu, cách hiệp vần.

Câu 3. Trong bài ca dao, những màu sắc của cây sen được nói đến là :

A. Trắng

B. Xanh

C. Vàng

D. Trắng, xanh, vàng

Câu 4. Trong bài ca dao, những bộ phận của cây sen được nói đến là:

A. Lá

B. Lá, bông, nhị

- C. Bông
- D. Nhị, rể

Câu 5. Xét về ý nghĩa, bài ca dao này:

- A. Chỉ nói về vẻ đẹp của hoa sen.
- B. Trước hết là nói về vẻ đẹp của hoa sen, sau đó là nói đến con người.
- C. Bài ca dao này thông qua hình ảnh, vẻ đẹp của hoa sen để ca ngợi những con người tốt đẹp, có phẩm chất cao quý.
- D. Từ hoa sen mà làm ta liên tưởng đến nhiều loài hoa khác như hoa bìm, hoa hồng,...

Câu 6. Bài ca dao có mấy thành phần trạng ngữ?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 7. Trạng ngữ trong bài ca dao thuộc loại trạng ngữ nào?

- A. Trạng ngữ chỉ thời gian
- B. Trạng ngữ chỉ địa điểm, nơi chốn
- C. Trạng ngữ chỉ nguyên nhân
- D. Trạng ngữ chỉ phương tiện

Câu 8. Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu đầu của bài ca dao là:

- A. Nhân hóa
- B. So sánh
- C. Ẩn dụ
- D. Hoán dụ.

Câu 9. Cách diễn đạt trong câu thơ thứ nhất *Trong đầm gì đẹp bằng sen* nhằm mục đích gì?

10. Chép lại một bài ca dao khác có hình ảnh hoa sen.

II. VIẾT (4.0 điểm)

Bằng vốn sống của mình, em hãy viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của em.

..... **Hết**

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 6

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	D	0,5
	3	D	0,5
	4	B	0,5
	5	C	0,5
	6	A	0,5
	7	B	0,5
	8	B	0,5
	9	- Nội dung: So sánh hoa sen với các hoa khác trong đầm, từ đó khẳng định sen là loài hoa đẹp nhất.	1,0
	10	HS chép đúng bài ca dao có hình ảnh hoa sen.	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ</i>	0,25
		<i>c. Kể lại trải nghiệm đáng nhớ</i> HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: - Sử dụng ngôi kể thứ nhất. - Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ. - Các sự kiện chính: bắt đầu – diễn biến – kết thúc. - Ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân em.	2,5
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
		<i>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo.</i>	0,5

..... **HẾT**